

Án số: 06/2019/HSST
Ngày 31/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Hải.

Ông Lê Xuân Thuật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/01/2019, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Lường Văn P, Sinh năm: 1999. *Có mặt*

Hộ khẩu thường trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Chỗ ở: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Công nhân Trình độ học vấn: 10/12.

Họ tên bố: Lường Văn C, sinh năm 1979. Nghề nghiệp: Làm ruộng

Họ tên mẹ: Hà Thị H, sinh năm 1979. Nghề nghiệp: Làm ruộng

Gia đình có 02 anh em, Bị cáo là con thứ nhất.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/11/2018 đến ngày 01/12/2018 được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

*** Người bào chữa cho bị cáo P:** Bà Lê Thị Thanh H – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. *Có mặt*

*** Bị hại:**

- ông Vũ Hữu T, Sinh năm 1954. *Vắng mặt*

- bà Văn Thị A, Sinh năm 1953. *Vắng mặt*

Đều trú tại: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

- anh Vũ Hữu T, Sinh năm 1986. *Vắng mặt*

- chị Nguyễn Thị Mai A, Sinh năm 2000. *Vắng mặt*

Đều trú tại: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 25/11/2018, Lương Văn P sinh năm 1999 ở Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, hiện đang trọ tại thôn H, xã L, huyện Y đi đến cửa hàng tạp hóa của gia đình ông Vũ Hữu T sinh năm 1954 ở thôn H, xã L, huyện Y để mua thẻ điện thoại, khi đi vào bên trong cửa hàng, P gọi không thấy có ai trả lời, P nhìn thấy bên trong tủ kính có hai hộp nhựa (dạng hộp đựng bút màu trắng) đựng các thẻ cào điện thoại các nhà mạng Viettel, Mobifone và Vinaphone nên liền nảy sinh ý định trộm cắp các thẻ cào điện thoại. P đã lại gần tủ kính dùng tay trái kéo cánh cửa kính sang bên phải theo hướng từ trong ra ngoài và lấy hai hộp nhựa đựng thẻ cào điện thoại đồ lên trên mặt tủ lạnh được đặt ngay cạnh tủ kính, rồi dùng hai tay bóc hết số thẻ cào điện thoại, sau đó cầm trên tay trái của mình đi ra ngoài, trong lúc đi ra ngoài cửa do sơ ý P làm rơi chiếc hộp đựng thẻ cào điện thoại xuống nền nhà gây tiếng động nên ông T ở phía sau nhà nghe thấy, phát hiện và tri hô “trộm trộm”, thấy vậy P liền cầm toàn bộ số thẻ cào vừa trộm cắp được trên tay trái bỏ chạy, ông T chạy đuổi theo. Khi P chạy được khoảng 300m thì P chạy vào cửa hàng quần áo của chị Nguyễn Thị Mai A sinh năm 2000 ở thôn H, xã L, huyện Y để trốn, tại đây P cất hết số thẻ cào điện thoại vừa trộm cắp được của ông T vào túi quần bên trái của mình đang mặc thì ông T và một số người dân đuổi kịp và bắt giữ P đưa về cửa hàng tạp hóa của gia đình ông T để làm rõ, đồng thời ông T báo Công an xã đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ: Tại túi quần bên trái của Lương Văn P 23 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 30 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 50 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 06 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 09 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 03 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 06 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Mobifone mệnh giá 50.000 đồng. Toàn bộ số thẻ cào này đều được phủ một lớp bạc để che các chữ số là mã thẻ cào điện thoại dùng để nạp tiền.

Cùng ngày Công an xã bàn giao hồ sơ, đối tượng Lương Văn P và vật chứng đã thu giữ của P cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ đã trưng cầu định giá đối với tài sản do P trộm cắp. Ngày 30/11/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Yên Mỹ kết luận: Tổng trị giá tài sản là 6.450.000 đồng.

Ngày 06/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ đã trả lại toàn bộ số thẻ cào trên cho ông Vũ Hữu T, ông T đã nhận lại đủ, không có yêu cầu đề nghị gì, đồng thời ông có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lương Văn P.

Quá trình điều tra Lương Văn P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS-YM ngày 17/01/2019 của Viện kiểm sát huyện Yên Mỹ đã truy tố bị cáo Lương Văn P về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa có quan điểm xác định sự vắng mặt của bị hại và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Bị cáo P đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo có ý kiến đề nghị tiếp tục xét xử vụ án và xin được cải tạo tại địa phương.

- Người bào chữa cho bị cáo bà Lê Thị Thanh H có quan điểm nhất trí với tội danh viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm của đại diện viện kiểm sát đã nêu và miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện VKSND huyện Yên Mỹ đều có đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị hại và người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra bị hại và người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm của mình và việc vắng mặt họ tại phiên tòa không ảnh hưởng

đến việc xét xử bị cáo cũng như đối với quyền lợi của họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 25/11/2018, tại cửa hàng tạp hóa nhà ông Vũ Hữu T ở thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Lương Văn P có hành vi trộm cắp 23 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel mệnh giá 100.000 đồng trị giá 2.300.000 đồng; 30 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng trị giá 1.500.000 đồng; 50 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel mệnh giá 20.000 đồng trị giá 1.000.000 đồng; 06 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng trị giá 600.000 đồng; 09 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng trị giá 450.000 đồng; 03 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Mobifone mệnh giá 100.000 đồng trị giá 300.000 đồng; 06 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Mobifone mệnh giá 50.000 đồng trị giá 300.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 6.450.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang bất bình cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội, cũng như đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm nói chung, các tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu nói riêng.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục một thời gian cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa tội phạm nói chung

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường. Do đó, không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được xử lý trong quá trình điều tra nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí : Hội đồng xét xử xác định bị cáo có tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên sẽ được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn P 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Không phải xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn P.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi họ cư trú theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Yên Mỹ.
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Mỹ.
- Công an huyện Yên Mỹ.
- Người TGTT.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên

